

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ:.....

NHU CẦU THỰC HIỆN TIỀN LƯƠNG ĐẾN MỨC LƯƠNG CƠ SỞ 1,49 TRIỆU ĐỒNG NĂM 2020 VÀ DỰ KIẾN NHU CẦU NĂM 2021*(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN NĂM 2020	DỰ TOÁN NĂM 2021	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2021	DT NĂM 2021 XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH DT XÁC ĐỊNH LẠI VÀ DT 2021
	TỔNG NHU CẦU KINH PHÍ TĂNG THÊM ĐỂ THỰC HIỆN CCTL					
I	Nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện CCTL đến mức lương cơ sở 1,49 tr đ/tháng					
1	Nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện NĐ 47/2017/NĐ-CP đã thẩm định (12 tháng)					
2	Nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện NĐ 72/2018/NĐ-CP đã thẩm định (12 tháng)					
3	Nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện NĐ 38/2019/NĐ-CP đã thẩm định (12 tháng)					
II	Nhu cầu thực hiện một số loại phụ cấp, trợ cấp theo quy định					
1	Kinh phí tăng, giảm do điều chỉnh địa bàn vùng KTXH ĐBKK năm 2017 theo Quyết định số 131/QĐ-TTg và Quyết định số 582/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ tính đủ 12 tháng					
2	Kinh phí giảm do điều chỉnh danh sách huyện nghèo theo Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ (quy định tại điểm b khoản 2 Công văn số 1044/BNV-TL ngày 11/3/2019 của Bộ Nội vụ)					
3	Kinh phí giảm do điều chỉnh số lượng cán bộ, công chức cấp xã; mức khoán phụ cấp					

	đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ					
4	Kinh phí tăng/giảm theo Nghị định 76/2019/NĐ-CP					
<i>a</i>	<i>Phụ cấp ưu đãi</i>					
<i>b</i>	<i>Phụ cấp thu hút</i>					
5	Kinh phí tăng/giảm do điều chỉnh địa bàn theo Quyết định 861/QĐ-TTg và Quyết định 433/QĐ-UBND (6 tháng)					
<i>a</i>	<i>Phụ cấp ưu đãi</i>					
<i>b</i>	<i>Phụ cấp thu hút</i>					
6	Các loại phụ cấp, trợ cấp khác (chi Tiết)*:					

* Ghi chú: Địa phương kê khai chi Tiết từng loại phụ cấp, trợ cấp khác và nhu cầu tương ứng

...., ngày.... tháng..... năm 2021
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ...
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Nguồn: Thông tư 61/2021/TT-BTC